

**Bản án số: 29/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 18-6-2024
V/v: “Tranh chấp ly hôn,
nuôi con”**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ L, TỈNH BÌNH THUẬN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Vũ Toàn**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Võ Đức Hơn**
2. Ông **Lữ Duy Minh**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thanh Nga** – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ngọc** – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 414/2023/TLST-HNGĐ, ngày 26 tháng 12 năm 2023, về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 19/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Bà Lê Thị Ngọc D, sinh năm 1994. Có mặt.

* **Bị đơn:** Ông Phạm Minh S, sinh năm 1994. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Khu phố 7, phường Phước Lộc, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và lời trình bày tại Tòa của nguyên đơn bà **Lê Thị Ngọc D** có nội dung như sau:

Bà và ông Phạm Minh S tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn vào năm 2013 tại Ủy ban nhân dân phường Phước Lộc, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Mâu thuẫn phát sinh do ông S sử dụng chất kích thích, bà D có khuyến bảo nhưng ông S không sửa đổi, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không hoà hợp, thường xuyên cãi vã. Hiện nay bà và ông S không còn sống chung với nhau, nên bà D yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phạm Minh S.

Về con chung: Vợ chồng bà có 03 con chung: Phạm Như Y, sinh ngày 24/9/2012; Phạm Như Q, sinh ngày 10/7/2016; Phạm Như Q, sinh ngày 17/12/2018 hiện bà D đang nuôi 03 con chung.

Khi ly hôn, bà D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bà D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

*** Bị đơn: Ông Phạm Minh S trình bày:**

Quá trình giải quyết, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông S không đến Tòa làm việc và cũng không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án.

Theo kết quả xác minh: Ông Phạm Minh S có địa chỉ tại khu phố 7, phường Phước Lộc, thị xã L. Hiện tại ông S đã không còn ở địa phương khoảng tháng 7, 8 năm 2023. Về tình trạng hôn nhân của bà D ông S sống chung có xảy ra mâu thuẫn và hiện nay không còn sống chung với nhau.

*** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:**

Về tố tụng: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã L và quan hệ pháp luật tranh chấp Tòa án xác định là đúng, Tòa án đưa vụ án ra xét xử phù hợp với quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử và thời hạn đưa vụ án ra xét xử; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự và quá trình xét xử vụ án Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Sau khi xem xét các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, Viện kiểm sát nhận thấy yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Ngọc D là có căn cứ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D, cho bà D được ly hôn ông S; Về con chung: Giao cho bà Lê Thị Ngọc D được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung: Phạm Như Y, sinh ngày 24.9.2012; Phạm Như Q, sinh ngày 10.7.2016; Phạm Như Q, sinh ngày 17/12/2018; Về cấp dưỡng: Bà D xin rút lại yêu cầu cấp dưỡng nên đình chỉ về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của bà D; Về tài sản chung, nợ chung: Bà D không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Bà D phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời phát biểu của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết tranh chấp:

Xét yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Ngọc D là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; bị đơn ông Phạm Minh S có địa chỉ tại khu phố 7, phường Phước Lộc, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. Vì vậy, tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã L, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Tại phiên tòa, bị đơn ông Phạm Minh S đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

3.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Ngọc D và ông Phạm Minh S tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn số 66 cấp ngày 02/7/2013 tại Ủy ban nhân dân phường Phước Lộc, thị xã L, tỉnh Bình Thuận, vì vậy hôn nhân của ông bà là hợp pháp kể từ khi đăng ký kết hôn.

Quá trình giải quyết vụ án, theo bà D khai bà đã cố gắng hoà giải, tìm nhiều cách hàn gắn với ông S nhưng không có kết quả; ông S không quan tâm đến gia đình, sử dụng chất kích thích, vợ chồng bà thường phát sinh nhiều mâu thuẫn cãi vã, tình cảm vợ chồng không còn. Xét thấy: Mâu thuẫn giữa bà D và ông S đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, hiện nay ông bà đã không còn sống chung. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Ngọc D là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3.2. Về con chung: Quá trình giải quyết bà D yêu cầu được nuôi 03 con chung, không yêu cầu cấp dưỡng. Lời khai của 02 cháu: Phạm Như Y và Phạm Như Q đều xin được ở với mẹ, hiện tại bà D đang trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung và đảm bảo việc nuôi dưỡng các con. Vì vậy, giao cho bà Lê Thị Ngọc D được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung: Phạm Như Y, sinh ngày 24.9.2012; Phạm Như Q, sinh ngày 10.7.2016; Phạm Như Q, sinh ngày 17/12/2018 là phù hợp theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Tại đơn khởi kiện, bà D yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi 03 con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng. Quá trình giải quyết, bà D rút lại yêu cầu cấp dưỡng, nên đình chỉ đối với yêu cầu cấp dưỡng của bà D.

3.4. Về tài sản chung, nợ chung: Bà D và ông S không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Bà D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm về ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 51, 53, 54, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà Lê Thị Ngọc D được ly hôn ông Phạm Minh S.
2. Về nuôi con chung: Giao cho bà Lê Thị Ngọc D được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung: Phạm Như Y (Giới tính: Nữ), sinh ngày 24.9.2012; Phạm Như Q (Giới tính: Nữ), sinh ngày 10.7.2016; Phạm Như Q (Giới tính: Nữ), sinh ngày 17/12/2018.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.
3. Về cấp dưỡng nuôi con: Đình chỉ đối với yêu cầu cấp dưỡng của bà Lê Thị Ngọc D.
4. Về tài sản chung, nợ chung: Bà D và ông S không yêu cầu giải quyết.
5. Về án phí: Bà Lê Thị Ngọc D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm về ly hôn nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002328 ngày 21/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã L, bà D đã nộp đủ án phí.
6. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, báo cho bà D biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 18/6/2024). Riêng bị đơn ông Phạm Minh S được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND thị xã L;
- Chi cục THADS thị xã L;
- UBND nơi ĐKKH;
- đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu hồ sơ, án văn.

Huỳnh Thị Vũ Toàn